

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2022

PHƯƠNG ÁN

Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Tu Mơ Rông)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Sau khi phối hợp, trao đổi với Sở Tài chính về số liệu thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 (*số liệu tương đối cơ bản*) trên địa bàn huyện. UBND huyện xây dựng Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông trình HĐND huyện Tu Mơ Rông Khóa XIV, kỳ họp thứ 4 xem xét, phê chuẩn cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 TÍNH GIAO

1. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2023 tính giao: 527.246 triệu đồng. Trong đó:

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương năm 2023: 325.370 triệu đồng (*Gồm: Thu ngân sách trên địa bàn huyện: 60.160 triệu đồng, trong đó: thu cố định và điều tiết ngân sách địa phương được hưởng: 41.857 triệu đồng; Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên là 283.513 triệu đồng*).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 201.876 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương tính giao: 527.246 triệu đồng, Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 8.602 triệu đồng (*chi nguồn vốn trong nước 7.590 triệu đồng, chi nguồn thu sử dụng đất 1.012 triệu đồng*);

- Chi thường xuyên ngân sách địa phương: 310.261 triệu đồng;

- Chi bổ sung có mục tiêu: 201.876 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách địa phương: 6.507 triệu đồng, chiếm tỷ lệ là 2% trên tổng chi cân đối ngân sách theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

UBND huyện xây dựng Phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa

phương năm 2023, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 dự kiến giao bằng mức tỉnh giao: 527.246 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 dự kiến giao bằng mức tỉnh giao: 527.246 triệu đồng.

2.1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư phát triển 8.602 triệu đồng (*chi nguồn vốn trong nước 7.590 triệu đồng, chi nguồn thu sử dụng đất 1.012 triệu đồng*).

2.2. Chi thường xuyên ngân sách địa phương: 310.261 triệu đồng.

2.2.1. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - dạy nghề:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác, kinh phí hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị được giao chỉ tiêu hợp đồng theo quy định*) phân bổ năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục-đào tạo mức chi như sau:

+ Đối với đơn vị trên 30 người, phân bổ 23 triệu đồng/người.

+ Đối với đơn vị dưới 30 người, phân bổ 26 triệu đồng/người.

+ Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: phân bổ 25 triệu đồng/người.

Phân bổ theo mức trên (*không bao gồm nguồn thu học phí trích lại cho các trường có thu học phí, cấp bù học phí*) để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: kinh phí hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị được giao chỉ tiêu hợp đồng theo quy định, Kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán: 3,6 triệu đồng, Kinh phí phần mềm quản lý tiền lương: 19,9 triệu đồng, Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản: 3 triệu đồng và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị.

- Hỗ trợ chi cho Trung tâm giáo dục cộng đồng: 30 triệu đồng/xã.

- Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS giai đoạn 2021-2025: 2.247 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục: 38.985 triệu đồng (*trong đó: Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP: 21.593 triệu đồng, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật: 387*

triệu, kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: 4.521 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: 11.666 triệu đồng; quản lý tập trung ngân sách huyện: 818 triệu đồng): Quản lý tập trung ngân sách, phân bổ khi đủ điều kiện.

- Phân bổ cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực hiện Đề án cơ sở vật chất giáo dục; nâng cấp, sửa chữa các hạng mục trường lớp học; thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, hoạt động của ngành như: kinh phí chuyên môn các bậc học, các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, trích quỹ thi đua khen thưởng của ngành, hỗ trợ Quỹ khuyến học, hỗ trợ tổ chức Đại hội Hội khuyến học...

- Phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình sửa học đường cho Trung tâm Y tế huyện thực hiện với số tiền: 150 triệu đồng.

- Dự phòng kinh phí để chi trả chế độ cho giáo viên chưa tuyển, sự nghiệp giáo dục quản lý tập trung tại ngân sách huyện: 6.179 triệu đồng.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất của ngành, lĩnh vực theo quy định.

b) Chi sự nghiệp đào tạo:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2023 cho đơn vị đào tạo mức chi 25 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ cho công tác mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại Trung tâm Chính trị huyện: 378 triệu đồng.

- Phân bổ cho công tác mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng lớp sơ cấp lý luận chính trị: 393 triệu đồng.

- Phân bổ chi nguồn sự nghiệp đào tạo chung của huyện: 300 triệu đồng giao cho Phòng Nội vụ thực hiện.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất theo quy định.

2.2.2. Các lĩnh vực chi thường xuyên khác:

a) Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, hội:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Phân bổ kinh phí hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị được giao chỉ tiêu hợp đồng theo quy định.

- Chi thường xuyên theo định biên đối với các đơn vị quản lý hành chính, đảng, đoàn thể (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ theo mức chi: 27 triệu đồng/biên chế và phân theo tỷ lệ đặc thù giữa các ngành, số lượng biên chế cụ thể như sau:

+ Huyện ủy; Văn phòng HĐND-UBND huyện phân bổ 27 triệu đồng nhân (x) số biên chế nhân (x) tỷ lệ hỗ trợ đặc thù của ngành 1,3 lần để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán: 3,6 triệu đồng, Kinh phí phần mềm quản lý tiền lương: 19,9 triệu đồng, Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản: 3 triệu đồng và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị.

+ Phòng Tài chính - Kế hoạch, các đơn vị khối Mặt trận, đoàn thể, hội phân bổ 27 triệu đồng nhân (x) số biên chế (x) tỷ lệ hỗ trợ đặc thù của ngành 1,2 lần để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí trang bị, gia hạn các phần mềm kế toán: 3,6 triệu đồng, Kinh phí phần mềm quản lý tiền lương: 39,9 triệu đồng, Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản: 6 triệu đồng và một số nhiệm vụ chi thường xuyên đặc thù, đột xuất của đơn vị.

+ Các đơn vị hành chính còn lại phân bổ 27 triệu đồng/biên chế; trong đó, đối với các đơn vị có số lượng định biên dưới 6 người, phân bổ hỗ trợ thêm 1,1 lần để đảm bảo các nhiệm vụ mang tính thường xuyên như: Kinh phí gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Hỗ trợ kinh phí cho các Hội đặc thù hoạt động thường xuyên đảm bảo theo quy định.

- Chi bộ máy quản lý hành chính, đảng, đoàn thể khối xã:

+ Chi hoạt động QLHC, đảng, đoàn thể khối xã: Phân bổ 25,5 triệu đồng/biên chế để đảm bảo hoạt động của bộ máy.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động theo QĐ số 99-BTC/TW: 10 triệu đồng/chi bộ cơ sở, riêng khối xã hỗ trợ cho chi bộ thôn với định mức (*10 tháng lương tối thiểu hiện hành*) 14,9 triệu/chi bộ/thôn.

+ Ngoài ra còn phân bổ, giao cho các đơn vị tổ chức Đại hội các ngành, đơn vị và thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất của ngành, đơn vị, lĩnh vực theo quy định.

b) Chi sự nghiệp văn hóa:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2023 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ hỗ trợ kinh phí để thực hiện Hội thi ẩm thực của đồng bào Xơ Đăng, tổ chức Liên hoan Công chiêng (3 thế hệ), các hoạt động văn hóa, nghệ thuật khác.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất của ngành, lĩnh vực theo quy định.

- Chi sự nghiệp Văn hóa (Hỗ trợ tham gia các hoạt động Văn hóa, nghệ thuật trong năm...) phân bổ cho các xã: 20 triệu đồng/xã.

c) Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

Phân bổ cho Trung tâm VHTTDL&TT: 150 triệu đồng thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp thể thao; kinh phí thực hiện các hoạt động thể dục thể thao trong năm phân bổ cho các xã thực hiện: 20 triệu đồng/xã.

d) Chi sự nghiệp truyền thanh truyền hình:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng.

- Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2023 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Ngoài ra còn phân bổ, giao cho đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, đột xuất của ngành, lĩnh vực theo quy định.

e) Chi sự nghiệp y tế

Phân bổ kinh phí cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện thực hiện nhiệm vụ mua thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền: 47 triệu đồng.

f) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Phân bổ kinh phí cho các đơn vị thực hiện với tổng số tiền: 14.570,288 triệu đồng: Hỗ trợ các chính sách như: kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách; kinh phí thực hiện các chính sách ASXH, chi trợ giúp xã hội, mai táng phí...; Khối xã chi trợ cấp cán bộ xã nghĩ việc và công tác xã hội khác.

g) Chi quốc phòng - An ninh:

Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng-an ninh năm 2023 với số tiền: 6.370,8 triệu đồng cho các đơn vị thực hiện theo quy định.

h) Chi sự nghiệp kinh tế:

Tổng chi sự nghiệp kinh tế năm 2023: 11.947,436 triệu đồng. Trong đó:

- Bố trí cho bộ máy quản lý, hoạt động đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Phân bổ theo hệ số lương, phụ cấp, các khoản đóng góp nhân (x) với mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng, tính đủ cho 12 tháng. Chi thường xuyên theo định biên (*không kể tiền lương và khoản có tính chất lương, hỗ trợ chi khác*) phân bổ năm 2023 cho đơn vị với mức chi 27 triệu đồng/biên chế.

- Phân bổ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi đặc thù, đột xuất, giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan; ưu tiên thu hồi tạm ứng ngân sách, trả nợ (nếu có); bố trí các nhiệm vụ đã có khối lượng; Kinh phí khuyến nông; Kinh phí thực hiện đề án cây dược liệu; Kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa; Kinh phí cấp bù thủy lợi phí; hỗ trợ khác,...

- Đặt hàng cho đơn vị cung cấp cung cấp dịch vụ công ích sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế.

- Dành nguồn sự nghiệp kinh tế 1.000 triệu đồng để trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang đô thị.

i) Chi sự nghiệp môi trường và bảo vệ môi trường:

- Phân bổ cho các đơn vị thực hiện từ nguồn chi sự nghiệp môi trường năm 2023: 1.562 triệu đồng, ưu tiên cho các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

- Đặt hàng cho đơn vị cung cấp cung cấp dịch vụ công ích sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp môi trường.

- Kinh phí từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ để khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra tại các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện với tổng số tiền: 120 triệu đồng (*phân bổ sau khi xác định cụ thể khu vực, địa phương bị ảnh hưởng*).

2.2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ

Phân bổ cho phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND các xã thực hiện ứng dụng, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi thực hiện hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015: 200 triệu đồng (*phần ngân sách tỉnh bổ sung ổn định giai đoạn trước chuyển sang*).

2.2.4. Kinh phí ủy thác để cho vay

Năm 2023, thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh, địa phương tiếp tục ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện cho vay hộ nghèo, hộ chính sách trên địa bàn huyện với tổng kinh phí: 1.100 đồng.

2.2.5. Chi khác ngân sách huyện

Dành nguồn chi khác ngân sách huyện năm 2023: 358,066 triệu đồng để bố trí cho các nhiệm vụ phát sinh chưa xác định được trong năm 2023 theo quy định.

2.3. Dự phòng ngân sách địa phương: 6.507 triệu đồng, chiếm tỷ lệ là 2% trên tổng chi cân đối ngân sách theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách ngân sách tỉnh, Ngân sách Trung ương: 201.876 triệu đồng

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Ghi chú: Số liệu trên đây là số dự kiến, sau khi được HĐND tỉnh họp giao chỉ tiêu, UBND tỉnh phân bổ chính thức, UBND huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện biết theo quy định.

Trên đây là nội dung Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; kính trình Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông Khóa XIV, kỳ họp thứ 4, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, phê chuẩn./.